TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 507/2019/DS-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2. Bà Cù Thị Phương Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T (Theo Giấy ủy quyền số 266/2019/UQ-TTT ngày 10/7/2019).

Bị đơn: Ông Hồ Việt T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Chung cư Đ, Phường MB, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Trường T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng, thì nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 18/8/2011, ông T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.095.735 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.700.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cúa Ngân hàng, cụ thể sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn 2.197.810 đồng, phí thường niên và các loại phí khác 1.646.000 đồng, phí vượt hạn mức là 450.000 đồng, lãi trong hạn 7.155.252 đồng, cuối cùng số tiền thanh toán còn lại là 4.250.938 đồng sẽ được trừ vào phần tiền giao dịch mà ông T sử dụng. Sau khi trừ hết các khoản trên thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của ông T còn lại là 11.844.797 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 26/7/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu qua nợ quá hạn như thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 11.844.797 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng (2.15%*150%).

Tính đến ngày 12/11/2019, ông T còn nợ các khoản sau:

Dư nợ chuyển quá hạn: 11.844.797 đồng.

Lãi quá hạn: 24.651.088 đồng.

Tổng cộng: 36.495.885 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền từ ngày 25/8/2014 đến ngày 12/11/2019 là 36.495.885 đồng và lãi quá hạn từ ngày 13/11/2019 cho đến khi ông T trả hết nợ vay theo quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ.

Bị đơn – ông Hồ Việt T không đến tòa tham gia tố tụng dù đã được tống đạt hợp lệ nên không có trình bày ý kiến của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 10 đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên Tòa án nhân dân Quận 10 vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho nguyên đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 15, Quận 10 thì ông T có thực tế cư trú tại Chung cư Đ, Phường MB, Quận 10 từ tháng 1/2012 đến tháng 10/2017 chuyển đi nơi khác đi đâu không rõ. Như vậy, bị đơn – ông Hồ Việt T có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Hồ Việt T thanh toán số tiền ông T đã vay theo của Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Trường T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông T đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông T không tham gia và không có trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tống đạt hợp lệ lần thứ hai, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, nhận thấy ngày 18/8/2011 ông T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ) với nội dung cơ bản như sau: Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% x lãi trong hạn. (Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP S). Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Hợp đồng sử dụng thẻ là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP S và ông T.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Qua Bảng sao kê chi tiết ngày 12/11/2019 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 16.095.735 đồng, phát sinh các phí như phí thanh toán trễ hạn là 2.197.810 đồng, phí vượt hạn mức là 450.000 đồng, phí thường niên và phí khác là 1.646.000 đồng và lãi phát sinh là 31.806.340 đồng,. Tổng cộng: 52.195.885 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.700.000 đồng. Số tiền này lần lượt được trừ vào phí trễ hạn là 2.197.810 đồng, phí thường niên và các loại phí khác là 1.646.000 đồng, phí vượt hạn mức là 450.000 đồng, lãi trong hạn là 7.155.252 đồng, sau đó số tiền thanh toán còn lại là 4.250.938 đồng được trừ vào phần tiền giao dịch mà ông T sử dụng. Ngân hàng đã trừ số tiền ông T đã thanh toán theo thứ tự nêu trên phù hợp với thỏa thuận tại Điều 16, Điều 20, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cúa Ngân hàng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với nợ gốc là 11.844.797 đồng

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 có quy định "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư, phát triển và đời sống có hiệu quả", Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 2.15%tháng và lãi quá hạn là 3.225%/tháng phù hợp với Điều 90 Luật các Tổ chức tín dụng và ông T vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 25/8/2014 đến ngày 12/11/2019, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi của Ngân hàng từ ngày 25/8/2014 đến ngày 12/11/2019 là 24.651.088 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T thanh toán cho Ngân hàng với nợ gốc là 11.844.797 đồng, nợ lãi phát sinh là 24.651.088 đồng. Tổng cộng: 36.495.885 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 13/11/2019 ông T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi ông T thi hành xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là 5% x 36.495.885 đồng = 1.824.794 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Hồ Việt T phải thanh toán cho Ngân Hàng TMCP S số tiền 36.495.885 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi lăm) đồng. (Trong đó vốn gốc 11.844.797 đồng, tiền lãi là 24.651.088 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 13/11/2019 ông T còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi ông T thi hành xong.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Việt T phải chịu là 1.824.794 (Một triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm chín mươi bốn) đồng tại Chi cục Thi hành án Quận 10.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 829.633 (Tám trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046444 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Bình Chánh tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mỹ Phương